

CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ THÚC ĐẨY CHUỖI LIÊN KẾT TRONG XUẤT KHẨU RAU QUẢ TƯƠI VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM

TỪ MINH THIỆN

Ban Quản lý khu Nông nghiệp công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh – thientuminh@yahoo.com

(Ngày nhận: 07/04/2016; Ngày nhận lại: 17/04/2016; Ngày duyệt đăng: 18/08/2016)

TÓM TẮT

Bài viết giới thiệu các hình thức chủ yếu của chuỗi liên kết trong xuất khẩu rau quả tươi của Vùng Kinh tế Trọng điểm Phía Nam (KTTĐPN) và đề xuất các giải pháp để thúc đẩy chuỗi liên kết xuất khẩu rau quả tươi của các địa phương trong Vùng KTTĐPN nhằm nâng cao hiệu quả cạnh tranh của nông sản Việt Nam nói chung cũng như của mặt hàng rau quả tươi của Vùng KTTĐPN nói riêng.

Từ khóa: chuỗi liên kết; vùng KTTĐPN; chuỗi rau quả tươi.

Solutions to enhance the linking chain of exporting fresh fruits and vegetables for Southern key economic zone

ABSTRACT

This paper presents essential forms of linking chain for exporting fresh fruits and vegetables of the Southern Key Economic Zone (SKEZ) and proposes some solutions to pushing the linking chain for exporting fresh fruits and vegetables of SKEZ. It aims at enhancing the competitive capacity of Vietnam's agricultural products in general and of fresh fruits and vegetables of SKEZ in particular.

Keywords: linking chain; Southern Key Economic Zone; chain of fresh fruits and vegetables.

1. Giới thiệu

Vùng KTTĐPN gồm 8 tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang có diện tích khoảng 30585,8 km² với dân số khoảng 17,2 triệu người, mật độ dân số đạt khoảng 563 người/km², tỷ lệ đô thị hóa của vùng là 49,6%. Xét về mối quan hệ nội tại, mỗi địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có những thế mạnh riêng, tạo thành thế mạnh của vùng so với cả nước. Mục tiêu phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam giai đoạn 2016 - 2020 là trở thành vùng kinh tế động lực, đầu tàu của cả nước; tốc độ tăng trưởng GDP của vùng đạt khoảng 8,5 - 9,0%/năm; với một nền nông nghiệp phát triển toàn diện, bền vững theo hướng sản xuất hàng hóa lớn với hình thức tổ chức sản xuất hiện đại, chú trọng phát triển nông nghiệp

sinh thái, thân thiện với môi trường và chất lượng sản phẩm; có các thương hiệu cho một số nông sản có thế mạnh đặc trưng của vùng và các chuỗi liên kết nông sản trong tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

Nội dung bài viết này chỉ đề cập đến chuỗi liên kết trong sản xuất nông nghiệp mà chủ yếu là chuỗi liên kết trong xuất khẩu rau quả tươi của vùng KTTĐPN và từ đó có các gợi ý về mặt giải pháp để thúc đẩy chuỗi liên kết xuất khẩu rau quả tươi của các địa phương trong vùng.

2. Các hình thức chuỗi liên kết trong nông nghiệp vùng KTTĐPN

Trong ngành nông nghiệp có 2 hình thức chuỗi liên kết. Hình thức chuỗi liên kết theo chiều ngang là hình thức liên kết các tác nhân trong cùng một khâu của chuỗi giá trị. Trong khi đó, hình thức chuỗi liên kết theo chiều dọc là hình thức liên kết các tác nhân trong các

khâu khác nhau của chuỗi giá trị. Hiện nay trong nông nghiệp vùng KTTĐPN có cả hai hình thức liên kết ngang và hình thức liên kết dọc thể hiện cụ thể như sau:

2.1. Chuỗi liên kết rau quả truyền thống

Chuỗi liên kết rau quả truyền thống là chuỗi phổ biến nhất ở các địa phương. Trong chuỗi này, rau quả chủ yếu được cung cấp cho thị trường trong nước, thông qua nhiều kênh phân phối trung gian như thương lái nhỏ (thu gom), thương lái lớn, người bán sỉ (ở chợ đầu mối thành phố), người bán lẻ (ở chợ lẻ, hay người bán rong, ...) rồi mới đến tay người tiêu dùng. Giá rau quả tăng lên qua mỗi khâu trung gian do gia tăng các khoản chi phí tiếp thị và lợi nhuận phải chia sẻ cho rất nhiều thành viên. Ở chuỗi truyền thống này việc phân phối rau quả thường chỉ là thỏa thuận miệng dựa vào lòng tin của các bên mà không theo một hợp đồng rõ ràng về mua bán. Giữa các bên không có sự hỗ trợ về vốn, kỹ thuật.

2.2. Chuỗi liên kết rau quả cung ứng siêu thị hoặc xuất khẩu của Hợp tác xã (HTX)

Đây là một chuỗi tương đối mới và hiệu quả, rau quả được sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn hoặc xuất khẩu như VietGAP, GlobalGAP... Trong chuỗi không có sự xuất hiện của thương lái. Rau quả sản xuất ra được HTX thu gom lại. HTX sẽ tổ chức sơ chế rồi bán sản phẩm thẳng cho các cửa hàng rau an toàn, cửa hàng trái cây, siêu thị trong nước hoặc cho công ty trung gian xuất khẩu. Giữa các thành phần trong chuỗi đều có tổ chức chặt chẽ và thực hiện việc mua bán thông qua hợp đồng.

2.3. Chuỗi rau quả xuất khẩu theo hợp đồng của công ty

Đây là một chuỗi mới và khá hiệu quả vì ngắn gọn và việc sản xuất, tiêu thụ rau quả được thực hiện thông qua hợp đồng. Phần lớn các sản phẩm rau quả được chế biến đều phục vụ cho xuất khẩu. Công ty xuất khẩu sẽ tự tìm kiếm hợp đồng xuất khẩu, sau đó tổ chức ký hợp đồng sản xuất trực tiếp với nông dân. Đến thời điểm thu hoạch, công ty sẽ tổ chức vận chuyển rau quả về xưởng để chế biến. Trong

chuỗi này không có sự xuất hiện của thương lái và công ty trung gian.

Như vậy cho đến thời điểm hiện nay, các liên kết dọc và ngang trong lĩnh vực nông nghiệp ở vùng KTTĐPN đều còn thiếu hoặc rất yếu, thiếu sự hợp tác giữa các doanh nghiệp cùng một sản phẩm một cách có tổ chức theo chiều ngang mà cũng không có sự kết nối khăng khít giữa các giai đoạn thượng nguồn, trung nguồn và hạ nguồn theo chiều dọc. Các hình thức liên kết ngang tăng khả năng cung ứng hàng hóa, kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm và tận dụng được hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất, các hình thức liên kết dọc theo cơ chế hợp đồng nhằm chia sẻ kinh phí và rủi ro với các tác nhân với nhau... vẫn còn rất thiếu. Vì vậy, bài viết gợi ý một số giải pháp sau đây nhằm thúc đẩy chuỗi liên kết trong xuất khẩu hoa quả tươi vùng KTTĐPN.

3. Một số giải pháp đề xuất

3.1. Xây dựng chiến lược “xác định rõ thị trường tập trung và sản phẩm chủ lực”

Chiến lược “xác định rõ thị trường tập trung và sản phẩm chủ lực” là yếu tố quyết định thành công cho mỗi địa phương trong Vùng KTTĐPN:

Lưu ý bài học từ Cameron, một trong những vùng đồi núi cao nguyên rộng nhất của Malaysia. Từ năm 2007, Cameron đã theo đuổi mục tiêu trở thành nhà cung cấp “rau chất lượng số 1 khu vực ASEAN” do thủ tướng Abudullah khởi xướng. Sau khi khảo sát, Cameron xác định chọn Singapore là thị trường xuất khẩu chiến lược (ngoài việc cung cấp cho thị trường nội địa). Dựa trên phân tích hai ưu thế. Thứ nhất, đa phần nông dân ở Cameron là người Hoa nên họ sẽ có liên hệ với các thương nhân nhập khẩu gốc Hoa ở Singapore. Thứ hai, Singapore là thị trường gần nhất trong điều kiện không thể phát triển được cơ sở hạ tầng. Cameron xác định tập trung vào cà chua và các loại rau yêu cầu thâm dụng lao động trong canh tác như cà tím và ớt chuông vì biết rõ rằng không thể cạnh tranh lại hai đối thủ lớn là Trung Quốc và Úc về các loại rau củ (như cà rốt và khoai tây) do

quy mô quỹ đất nhỏ hơn rất nhiều. Cameron tập trung vào các loại rau giá trị cao mà các đối thủ khác bị bất lợi hơn do khoảng cách vận chuyển xa và chi phí lao động cao.

Để thực hiện chiến lược này, chính quyền Cameron chọn MAFC, một công ty 50% vốn nhà nước để hỗ trợ. Công ty này hợp tác với nông dân, đầu tư vào khâu xử lý sau thu hoạch và kết nối với các nhà bán lẻ để giải quyết đầu ra. Cùng với các công ty lớn như Kwang và Sons, cà chua Cameron sớm tạo được chỗ đứng vững chắc tại thị trường Malaysia và Singapore. Hiện tại Cameron đáp ứng 65% nhu cầu nội địa đồng thời chiếm lĩnh 45% thị trường Singapore.

Từ bài học thành công của Cameron, cho thấy chiến lược tập trung là rất quan trọng. Quan trọng hơn nữa là vai trò của chính quyền địa phương trong việc khởi xướng và hỗ trợ xây dựng chiến lược.

3.2. *Đẩy mạnh liên kết vùng để tạo vùng nguyên liệu đủ lớn, ổn định về chất lượng và đảm bảo tính an toàn*

Trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có bốn khu Nông nghiệp Công nghệ cao được thành lập và đi vào hoạt động ở Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương. Đây là điều kiện rất thuận lợi cho việc hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Việc quy hoạch các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đóng vai trò quan trọng trong đầu tư sản xuất nông nghiệp mang tính ổn định và bền vững, tạo sự an tâm đối với nhà sản xuất cũng như các nhà đầu tư trong nông nghiệp.

3.3. *Vốn đầu tư*

Tìm cơ chế để việc cho vay có thể dựa trên giá trị hợp đồng ký kết với các hệ thống phân phối sỉ và lẻ trong nước hoặc các hợp đồng xuất khẩu cụ thể cũng như căn cứ vào uy tín của các thành viên trong chuỗi. Ban hành chính sách hỗ trợ việc bảo lãnh vay ngân hàng cho các tổ chức, doanh nghiệp hoặc các hợp tác xã có tình hình sản xuất, kinh doanh thuận lợi, có hiệu quả trong sản xuất - kinh doanh và có các hợp đồng liên kết tạo thành chuỗi cung

ứng nông sản. Huy động nguồn vốn của xã viên để đáp ứng nhu cầu vốn sản xuất - kinh doanh theo từng thời điểm, với lãi suất huy động thấp hơn lãi suất vay ngân hàng. Thúc đẩy việc hình thành dịch vụ bảo hiểm trong nông nghiệp. Tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng hoạch định một phương án sản xuất qui mô nông hộ, kỹ năng hoạch định và quản lý thu - chi gia đình... cho nông dân

3.4. *Phát triển thị trường*

Về thị trường giao ngay: Đây là loại thị trường mà hiện nay và sắp tới vẫn giữ vai trò chủ đạo cho việc tiêu thụ hàng hóa nông, lâm sản do phù hợp với trình độ phát triển của Việt Nam. Đồng thời các thị trường này cũng giữ vai trò trung gian trong giai đoạn Việt Nam chuẩn bị các điều kiện để thiết lập các loại thị trường tiên tiến, đặc biệt là để phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong nước.

Về thị trường giao sau: Cần phải khuyến khích các doanh nghiệp mua bán hợp đồng forward và option, tham gia giao dịch tại các trung tâm giao dịch ở nước ngoài, nghiên cứu tiến tới thí điểm thiết lập sàn giao dịch kỳ hạn về một vài nông sản chủ lực tại Việt Nam.

3.5. *Đầu tư sâu cho công nghệ sau thu hoạch*

Cần khuyến khích đầu tư trung tâm sơ chế, chế biến và bảo quản rau quả tại các chợ đầu mối nông sản đạt các tiêu chuẩn HACCP hoặc BRC. Cung cấp đầy đủ thông tin về một số công nghệ, kỹ thuật bảo quản sau thu hoạch, đặt hàng cho các nhà khoa học trong nước nghiên cứu về các giải pháp bảo quản bằng công nghệ sinh học, thân thiện môi trường.

3.6. *Ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông (ICT) trong nông nghiệp*

Ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông (Information and Communicate Technology - ICT) trong nông nghiệp rất đa dạng, phong phú và hiệu quả. Tùy thuộc vào trình độ phát triển sản xuất và trình độ của lực lượng lao động mà những ứng dụng này sẽ được thiết kế cho phù hợp. Các lĩnh vực ứng dụng ICT trong nông nghiệp bao gồm: tiếp cận thị trường và chuỗi giá trị, tiếp cận các

dịch vụ tài chính, quản lý chuỗi cung ứng, tăng năng suất cây trồng và vật nuôi, quản lý rủi ro, quản lý đất đai, cải thiện tính an toàn sản phẩm và truy xuất nguồn gốc nông sản, nâng cao năng lực quản lý nông thôn, cải thiện hệ thống sáng kiến, hỗ trợ các nông hộ quy mô nhỏ.

Trong mười ứng dụng của ICT như trên, trên địa bàn vùng kinh tế trọng điểm phía Nam hiện chỉ ứng dụng trong một vài lĩnh vực như ứng dụng ICT trong tăng năng suất cây trồng, vật nuôi; cải thiện tính an toàn sản phẩm; tiếp cận thị trường...Tuy nhiên, các ứng dụng này vẫn chưa sâu, toàn diện và hiệu quả. Vì vậy, tiềm năng ứng dụng ICT vào nông nghiệp ở nước ta còn rất lớn, rất cần những chính sách khuyến khích, hỗ trợ ứng dụng

ICT từ phía Nhà nước và sự tham gia cộng hưởng của cộng đồng doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp lẫn công nghệ thông tin. Trong đó, tập trung ba ứng dụng quan trọng, đó là: truy xuất nguồn gốc, thông tin thị trường và tiếp cận chuỗi giá trị.

Hệ thống quản lý chuỗi cung ứng tích hợp truy xuất nguồn gốc sản phẩm và GIS: Hệ thống này dựa trên việc tích hợp công nghệ GIS (Geographical Information System - hệ thống thông tin địa lý) với việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm sẽ giúp tạo sự an tâm và tin tưởng nơi người mua hoặc người tiêu dùng. Ngoài ra, hệ thống này còn giúp cho các doanh nghiệp quản lý và vận hành tốt hệ thống tổ chức sản xuất - kinh doanh của mình.



Hình 1. Mô hình CNTT ứng dụng cho nông nghiệp Việt Nam

Mô hình này cho thấy môi trường bên ngoài của chuỗi liên kết cần có:

- **Hệ thống thông tin hỗ trợ sản xuất:** hệ thống này được xây dựng trên cơ sở thu thập thông tin và dự báo về tình hình sản xuất nông nghiệp trong nước và một số quốc gia có liên quan. Phần thông tin dự báo thời tiết, dịch bệnh đóng vai trò khá quan trọng trong việc cung cấp cho doanh nghiệp cơ sở để ra các

quyết định về sản xuất.

- **Hệ thống thông tin thị trường nông nghiệp (Agricultural Market Information System - AMIS):** là tất cả các thông tin về mua và bán các sản phẩm và dịch vụ, bao gồm cả các thông tin về thị trường đầu ra và đầu vào của sản phẩm. Trên cơ sở thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về diễn biến giá cả, lượng mua, lượng bán, ảnh hưởng của tỷ giá

đối với VND.

- **Hệ thống quản lý đất canh tác trên bản đồ số GIS:** Hệ thống dựa trên cơ sở dữ liệu đã được phân tích đối với từng loại cây trồng, vật nuôi, mùa vụ, các thay đổi của thời tiết, kết hợp với các tính toán về chi phí, doanh thu dự kiến để từ đó đưa các lựa chọn và giải pháp bố trí sản xuất, canh tác tối ưu trên khu đất, tính toán được lợi nhuận dự kiến cho từng phương án tổ chức sản xuất.

3.7. Xây dựng hình ảnh của nông nghiệp Vùng kinh tế trọng điểm Nam bộ

Thiết kế hình ảnh ấn tượng: hình ảnh thiết kế phải được tập trung vào ba yếu tố sau: thứ nhất, nhấn mạnh vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giao thông thuận lợi mà các địa phương khu vực Vùng kinh tế sẽ dành cho các nhà đầu tư khi đầu tư vào nông nghiệp Vùng KTTĐPN. Thứ hai, phản ánh được sự quyết tâm của các tỉnh trong Vùng KTTĐPN nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp. Thứ ba, nêu bật được sự khác biệt tích cực của nông nghiệp các tỉnh Vùng KTTĐPN so với những địa điểm khác ■

Tài liệu tham khảo

- Ban quản lý Khu Nông Nghiệp công nghệ cao TP.HCM (2015). “*Báo cáo hiện trạng và định hướng ứng dụng công nghệ thông tin đến 2025 của Ban quản lý Khu Nông Nghiệp công nghệ cao*” TP.HCM.
- Donald J. Bowersox, David J. Closs, M.Bixby Cooper (2012). *Supply chain logistic management*. Mc Graw-hill international edition.
- Jica (2015). Dự án “*Hỗ trợ tỉnh Lâm Đồng xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp theo hướng tiếp cận đa ngành và cải thiện môi trường đầu tư trong nông nghiệp*”.
- Tổng cục Thống Kê Việt Nam (2010, 2014). “*Niên giám thống kê*”, NXB Thống Kê.
- Từ Minh Thiện (2013). *Nghiên cứu, đánh giá và đề xuất mô hình liên kết trong sản xuất và tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*, TP.HCM.
- World Bank (2010), “*ICT in Agriculture*”: Free Press.